

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 270/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Ngọc T1, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trịnh Quốc T2, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2024 nguyên đơn bà Đỗ Ngọc T1 trình bày:

Vào năm 1996, bà Đỗ Ngọc T1 và ông Trịnh Quốc T2 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 11 tháng 12 năm 2023, Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2023. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm cũng như về lối sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được. Bà T1 và ông T2 đã ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Nay bà Đỗ Ngọc T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Quốc T2.

Về con chung: Quá trình sống chung giữa bà T1 và ông T2 có 02 người con chung tên Trịnh Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1997 và Trịnh Nguyễn Nhựt T3, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010. Hiện con chung Trịnh Nguyễn Huỳnh T đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Trịnh Nguyễn Nhựt T3 đang sống với bà T1, khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng Trịnh Nguyễn Nhựt T3, bà yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trịnh Quốc T2 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông T2 vẫn không tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Đỗ Ngọc T1 ly hôn với ông Trịnh Quốc T2; Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1997 và Trịnh Nguyễn Nhựt T3, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010. Hiện con chung Trịnh Nguyễn Huỳnh T đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân không yêu cầu nên không đặt ra xem. Riêng Trịnh Nguyễn Nhựt T3 đang sống chung với bà T1. Bà Đỗ Ngọc T1 yêu cầu nuôi dưỡng Trịnh Nguyễn Nhựt T3, cháu T3 có nguyện vọng sống chung cùng với bà T1 nên chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Ngọc T1 là phù hợp. Bà T1 trực tiếp nuôi con nên yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng là phù hợp. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Đỗ Ngọc T1 với ông Trịnh Quốc T2 được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trịnh Quốc T2 là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Quốc T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trịnh Quốc T2.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 1996 bà Đỗ Ngọc T1 với ông Trịnh Quốc T2 sống chung với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân của bà Đỗ Ngọc T1 với ông Trịnh Quốc T2 là hợp pháp. Quá trình sống chung bà Đỗ Ngọc T1 cho rằng bà và ông T2 xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2023 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Đỗ Ngọc T1 xác định không còn tình thương dành cho ông T2 và bà T1 yêu cầu ly hôn ông T2.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Đỗ Ngọc T1 với ông Trịnh Quốc T2 không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Đỗ Ngọc T1 với ông Trịnh Quốc T2 đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng, cho thấy ông T2 không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Đối với yêu cầu của bà T1, ông T2 không có ý kiến gì. Xét cho bà Đỗ Ngọc T1 ly hôn với ông Trịnh Quốc T2 là có cơ sở.

[4] Về con chung: Quá trình sống chung bà T1 và ông T2 có 02 người con chung tên Trịnh Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1997 và Trịnh Nguyễn Nhựt T3, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010. Hiện con chung Trịnh Nguyễn Huỳnh T đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân không yêu cầu nên không đặt ra xem. Riêng Trịnh Nguyễn Nhựt T3 đang sống chung với bà T1. Mặt khác cháu T3 có nguyện vọng sống cùng với bà Đỗ Ngọc T1 nên chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Ngọc T1 là phù hợp. Bà T1 yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con, xét việc giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng, ông T2 không trực tiếp nuôi con nên ông T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng, vì vậy, việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T1 có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Ngọc T1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27; ông Trịnh Quốc T2 phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đỗ Ngọc T1 ly hôn với ông Trịnh Quốc T2.

2. Về con chung: Giao Trịnh Nguyễn Nhựt T3 giới tính nam, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010 cho bà Đỗ Ngọc T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trịnh Quốc T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng. Việc cấp dưỡng cho đến khi Trịnh Nguyễn Nhựt T3 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Ông Trịnh Quốc T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Đỗ Ngọc T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003871 ngày 03/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng: Buộc ông Trịnh Quốc T2 phải chịu 300.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Đỗ Ngọc T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Quốc T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng